

Số: 29 /2022/NQ-ĐHĐCĐ

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 4 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số: 28./2022/BB – ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022.**

Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 (có báo cáo kèm theo), các chỉ tiêu cơ bản cụ thể:

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu	Tỷ đồng	179,014	173,279	103,3%
2	Nước sản xuất	Tr m <sup>3</sup>	20,969	22,009	95,27%
3	Nước ghi thu	Tr m <sup>3</sup>	17,341	17,823	97,29%
4	Nước không doanh thu	%	17,26	19,02	(1.76%)
5	Phát triển khách hàng	Hộ	7.453	8.913	83,62%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,676	(18.646)	
7	Tỷ lệ cổ tức năm 2021 dự kiến	%	0 %	0 %	0 %
8	Tỷ suất lợi nhuận thuần	%			
9	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	315,2	315,2	100 %



**Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	% KH 2022 / TH 2021
1	Nước sản xuất	triệu m <sup>3</sup>	20,97	21,84	+4,1%
2	Nước ghi thu	triệu m <sup>3</sup>	17,34	18,15	+4,7%
3	Nước không doanh thu	%	17,26	16,92	- 0,34%
4	Doanh thu	Tỷ đồng	179,014	184,31	+3%
4.1.	<i>Doanh thu tiền nước</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>155,43</i>	<i>162,79</i>	<i>+4,7%</i>
4.2.	<i>Doanh thu xây lắp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>12,34</i>	<i>12,09</i>	<i>-2,03%</i>
4.3.	<i>Doanh thu khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>11,24</i>	<i>9,42</i>	
5	Phát triển khách hàng	Hộ	7.453	7.568	+1,5%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,676	(9,56)	
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	315,2	315,2	

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %

**Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022**

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 (có báo cáo kèm theo):

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %

**Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022**

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 (có báo cáo kèm theo):

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %

**Điều 4. Thông qua Tờ trình số 02/2022/TT – HĐQT về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021**

Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021 như được nêu trong tờ trình (Văn bản đính kèm).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %

**Điều 5. Thông qua Tờ trình số 04/2022/TT – HĐQT về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận từ ngày từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021; Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022**

Đại hội biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021; Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

**Phương án phân phối lợi nhuận từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021**

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	179.014.188.314 VNĐ
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	676.842.012 VNĐ
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2021	Đồng	676.842.012 VNĐ
4	Cổ tức 2021		0%
5	Lợi nhuận chuyển năm sau	Đồng	676.842.012 VNĐ
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế từ 27/06/2019 đến 31/12/2021	Đồng	(3.238.464.920) VNĐ

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %

**Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) năm 2021 và Kế hoạch năm 2022**

STT	Nội dung	Tổng thù lao (lương và thưởng) năm 2021	Kế hoạch thù lao (lương và thưởng) năm 2022
01	Chủ tịch HĐQT	336.376.000 đồng	400.000.000 đồng/năm
02	Phó chủ tịch HĐQT	149.000.000 đồng	250.000.000 đồng/năm
03	Các TV HĐQT (3 TV)	0 đồng	80.000.000 đ/năm
04	Ban kiểm soát (3TV)	114.000.000 đồng	120.000.000 đ/năm

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %

**Điều 6. Thông qua Tờ trình số 03/2022/TT – HĐQT về việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2022.**

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung tờ trình về việc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn một trong các công ty Kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế trong năm và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Công ty 2022.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %

**Điều 7. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 26/04/2022**

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm sao gửi Nghị quyết đến toàn thể cổ đông, cơ quan có thẩm quyền theo quy định và công bố trên website Công ty theo đúng quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %



**Điều 8. Trách nhiệm phổ biến quán triệt và triển khai thực hiện Nghị Quyết này**  
Đại hội thống nhất giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm phổ biến quán triệt, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện theo tinh thần Nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- UBCKNN; SGDCCKHN “để báo cáo”;
- Lưu VP.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Đỗ Hoàng Phúc*





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK (DAKWACO)  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

**BIÊN BẢN HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

(Số: 28../2022/BB – ĐHĐCĐ)

**I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk; được khai mạc vào lúc: 8 giờ 30 ngày 26/04/2022 tại trụ sở Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk, số 339 Tôn Đức Thắng, P. Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**II. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI**

1. Bà Hà Thị Thu Huyền thay mặt Ban tổ chức Đại hội giới thiệu các Đại biểu và thành phần tham dự Đại hội.

2. Bà Lê Đặng Uyên Đan - Trưởng Ban kiểm soát đọc báo cáo kết quả kiểm tra cổ đông có đủ điều kiện tham dự Đại hội, theo đó:

- Tổng số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự: 297 cổ đông
- Tỷ lệ cổ phần đại diện và sở hữu của cổ đông tham dự: 31.223.300 cổ phần chiếm tỷ lệ 99,06 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông đã được tiến hành hợp pháp và hợp lệ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Bà Hà Thị Thu Huyền thay mặt Ban Tổ chức giới thiệu thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban Kiểm phiếu tại Đại hội:

**Đoàn chủ tịch:**

- |                        |                                |
|------------------------|--------------------------------|
| - Ông Đỗ Hoàng Phúc    | - Chủ tịch Hội đồng quản trị   |
| - Ông Nguyễn Khắc Dân  | - Thành viên HĐQT kiêm TGD     |
| - Ông Nguyễn Công Định | - Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD |

**Ban thư ký:**

- |                       |              |
|-----------------------|--------------|
| - Ông Phan Hữu Đức    | - Trưởng ban |
| - Bà Đoàn Thị Kim Chi | - Thành viên |

**Ban kiểm phiếu:**

- |                       |              |
|-----------------------|--------------|
| - Ông Lê Bản Khánh    | - Trưởng ban |
| - Ông Nguyễn Bá Hòa   | - Thành viên |
| - Ông Nguyễn Tuấn Anh | - Thành viên |
| - Ông Lê Trung Hiếu   | - Thành viên |

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu như trên để điều khiển Đại hội với tỷ lệ: 100 % cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

3. Ông Lê Bản Khánh thay mặt Ban kiểm phiếu đọc Quy định về thể thức làm việc và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Đại hội biểu quyết thông qua Quy định về thể thức làm việc và biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ: 100 % cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

4. Đoàn chủ tịch giới thiệu và thông qua nội dung Chương trình Đại hội:

- Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Chương trình Đại hội như trên với tỷ lệ: 100 % cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

### **III. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI**

1. Ông Nguyễn Khắc Dân – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

2. Ông Đỗ Hoàng Phúc – Chủ tịch HĐQT báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021; kế hoạch hoạt động của năm 2022.

3. Bà Lê Đặng Uyên Đan – Trưởng Ban kiểm soát báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch công tác năm 2022.

4. Ông Nguyễn Công Định trình bày các Tờ trình liên quan:

(1). Tờ trình về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021.

(2). Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, tổng mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và Kế hoạch tổng mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022;

(3). Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022

5. Phát biểu và thảo luận tại Đại hội:

5.1. Ông Đỗ Hoàng Phúc – Chủ tịch HĐQT

- Hoàn toàn thống nhất báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022 trình trước Đại hội và chỉ đạo kế hoạch năm 2022 tập trung vào các nội dung sau:

- Chống thất thoát nước toàn Công ty nói chung và Chi nhánh Buôn Ma Thuột nói riêng về phân vùng tách mạng thêm để quản lý có hiệu quả.

- Công tác ghi thu phải có giải pháp đối với khách hàng sử dụng ít nước. Có thể ghi 2-3 tháng/lần để giảm các chi phí liên quan.

- Xây dựng Trung tâm điều khiển đặt tại văn phòng Công ty để kiểm toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất tại các Chi nhánh.

- Đầu tư dây chuyền khử trùng nước bằng Javen thay thế cho việc khử trùng nước bằng Clo (lông). Ưu điểm khi sử dụng nước Javen là an toàn trong vận hành và thân thiện với môi trường.





- Đầu tư công nghệ sản xuất nước đóng chai giàu chất khoáng và nước đóng chai Ion kiềm. Đây là loại nước tốt cho sức khỏe cho cộng đồng

- Đầu tư mở mạng lưới phải có tầm nhìn 10-20 năm và bám sát theo quy hoạch phát triển độ thị.

5.2. Ông Nguyễn Công Định – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty:

- Đưa ra các giải pháp để hạn chế việc sử dụng giếng khoan của các hộ gia đình, cơ quan nơi mà đã có đường ống cấp nước Công ty lắp đặt.

- Tham gia với Đoàn kiểm tra liên ngành (Sở Tài Nguyên môi trường; Sở Y tế; Sở Văn hoá thể thao du lịch...) để kiểm tra các giấy phép khai thác giếng khoan và các giếng khoan không có giấy phép.

5.3. Ông Nguyễn Hùng, Phó Tổng Giám đốc Công ty:

- Bổ cập nguồn nước cho Chi nhánh Buôn Hồ vì hiện tại các giếng khoan trước đây JICA tài trợ đã bị nhiễm Nitrat nên không thể khai thác.

- Chỉ đạo chi nhánh Krông Năng và Ea Kar làm tốt công tác tuyên truyền để người dân tiếp cận với nguồn nước sạch theo Tiêu chí nông thôn mới.

5.4. Ngoài ra thảo luận tại Đại hội còn có các ý kiến Phòng ban/ Chi nhánh: Về công tác chất lượng nước tại Công ty; giấy phép khai thác nước (trạm Cupul, trạm EaCotam, trạm EaMsen.); phân vùng tách mạng thêm để kiểm soát thất thoát; hiệu quả việc ứng dụng công nghệ GIS; tăng cường công tác thu không dùng tiền mặt; phát triển khách hàng mới; ký lại hợp đồng với khách hàng sử dụng nước cho hai mục đích; bổ cập nguồn nước tại các chi nhánh mà nguồn hiện tại bị nhiễm Nitrat.

6. Nghị quyết của Đại hội:

Sau khi thảo luận, các cổ đông tham dự đã nhất trí quyết nghị từng nội dung sau:

- **Nội dung 1: Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022**

Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 (có báo cáo kèm theo), các chỉ tiêu cơ bản cụ thể:

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu	Tỷ đồng	179,014	173,279	103,3%
2	Nước sản xuất	Tr m <sup>3</sup>	20,969	22,009	95,27%
3	Nước ghi thu	Tr m <sup>3</sup>	17,341	17,823	97,29%
4	Nước không doanh thu	%	17,26	19,02	(1.76%)
5	Phát triển khách hàng	Hộ	7.453	8.913	83,62%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,676	(18.646)	
7	Tỷ lệ cổ tức năm 2021 dự kiến	%	0 %	0 %	0 %
8	Tỷ suất lợi nhuận thuần	%			
9	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	315,2	315,2	100 %

**Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	% KH 2022 / TH 2021
1	Nước sản xuất	triệu m <sup>3</sup>	20,97	21,84	+4,1%
2	Nước ghi thu	triệu m <sup>3</sup>	17,34	18,15	+4,7%
3	Nước không doanh thu	%	17,26	16,92	- 0,34%
4	Doanh thu	Tỷ đồng	179,014	184,31	+3%
4.1.	Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	155,43	162,79	+4,7%
4.2.	Doanh thu xây lắp	Tỷ đồng	12,34	12,09	-2,03%
4.3.	Doanh thu khác	Tỷ đồng	11,24	9,42	
5	Phát triển khách hàng	Hộ	7.453	7.568	+1,5%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,676	(9,56)	
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	315,2	315,2	

Kết quả biểu quyết:                   100 % thẻ tán thành  
   0 % thẻ không tán thành  
   0 % thẻ không ý kiến

**- Nội dung 2: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022**

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 (có báo cáo kèm theo):

Kết quả biểu quyết:                   100 % thẻ tán thành  
   0 % thẻ không tán thành  
   0 % thẻ không ý kiến





STT	Nội dung	Tổng thù lao (lương và thưởng) năm 2021	Kế hoạch thù lao (lương và thưởng) năm 2022
01	Chủ tịch HĐQT	336.376.000 đồng	400.000.000 đồng/năm
02	Phó chủ tịch HĐQT	149.000.000 đồng	250.000.000 đồng/năm
03	Các TV HĐQT (3 TV)	0 đồng	80.000.000 đ/năm
04	Ban kiểm soát (3TV)	114.000.000 đồng	120.000.000 đ/năm

Kết quả biểu quyết: 100 % thẻ tán thành  
0 % thẻ không tán thành  
0 % thẻ không ý kiến

**- Nội dung 6: Tờ trình số 03/2022/TT – HĐQT về việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2022**

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung tờ trình về việc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn một trong các công ty Kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế trong năm và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Công ty 2022.

Kết quả biểu quyết: 100 % thẻ tán thành  
0 % thẻ không tán thành  
0 % thẻ không ý kiến

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản đã được đọc trước Đại hội và được Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100 % số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

**ĐOÀN CHỦ TỊCH**

**CHỦ TỊCH HĐQT**

**THÀNH VIÊN HĐQT**

**THÀNH VIÊN HĐQT**



*Đỗ Hoàng Phúc*

*Nguyễn Khắc Dân*

**BAN THƯ KÝ**

*Nguyễn Công Linh*

*phan huu đức*

*Đoàn Thư Kim Chi*





Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: Số 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An,  
Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623..852619  
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

Số: 124 /2022/BC-BTGD

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 3 năm 2022

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022**

**Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk**

Hôm nay, Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên để tổng kết công tác sản xuất kinh doanh năm 2021 và đưa ra phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2022.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc, Tôi xin gửi đến tất cả Quý vị cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

### **I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2021**

#### **1. Đặc điểm tình hình**

Năm 2021 là một năm khó khăn vì dịch bệnh Covid-19 phát triển lan rộng và phức tạp hơn cả năm 2020, Công ty đã đồng hành cùng với chính quyền địa phương thực hiện việc giảm giá nước sinh hoạt trong 02 kỳ để góp phần hỗ trợ, chia sẻ những khó khăn cùng với người dân trong tình hình dịch bệnh. Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tự hào là doanh nghiệp có đóng góp tích cực và đi đầu trong công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Bên cạnh việc phải xây dựng lại công tác quản trị doanh nghiệp, trong khi giá thành nước chưa được phê duyệt nhưng nợ vay vẫn phải thực hiện trả theo như cam kết, việc trả nợ vốn vay ADB với số tiền lớn đã làm tăng chi phí, ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD của Công ty.

Dù còn nhiều khó khăn và đầy thách thức, nhưng thời gian qua Công ty đã đạt được những kết quả tích cực, khẳng định sự chỉ đạo, điều hành đúng đắn, hiệu quả của Hội đồng quản trị và sự điều hành linh hoạt, hiệu quả của Ban Tổng giám đốc, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm và tính năng động, sáng tạo của tất cả Cán bộ, công nhân viên, người lao động, đặc biệt là sự ủng hộ của chính quyền địa phương, sự tin tưởng gắn bó của người lao động, Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk đã hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 giao phó.

#### **2. Đánh giá hoạt động của công ty trong năm 2021.**

Bám sát những định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua, Ban Tổng Giám đốc phân tích các yếu tố tác động, dự báo các ảnh



hưởng, từ đó xây dựng định hướng chiến lược phát triển và triển khai kế hoạch hành động cụ thể. Một mặt duy trì và phát huy tối đa hiệu quả sử dụng của các tài sản, nguồn lực hiện hữu, nhằm phục vụ khách hàng một cách tốt nhất nhưng vẫn đảm bảo lợi ích của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo triển khai hiệu quả trong công tác đầu tư mở mạng phát triển khách hàng, chống thất thoát, thất thu tiền nước; áp dụng công nghệ thông tin trong ghi - thu, chăm sóc khách hàng..., đặc biệt là đã triển khai hình thức thanh toán không tiền mặt tại tất cả các chi nhánh.

Như đã đề cập ở trên, sự phức tạp của dịch bệnh và việc thực hiện các hạn chế trong hoạt động đi lại, kinh doanh buôn bán để phòng chống dịch đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của toàn Công ty. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2021 đều không đạt so với kế hoạch đề ra. Ban Tổng giám đốc đã tích cực lãnh đạo Công ty vượt qua khó khăn, điều hành sản xuất kinh doanh có lợi nhuận.

### **Các chỉ tiêu cơ bản năm 2021:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu	Tỷ đồng	179,014	173,279	103,3%
2	Nước sản xuất	Tr m <sup>3</sup>	20,969	22,009	95,27%
3	Nước ghi thu	Tr m <sup>3</sup>	17,341	17,823	97,29%
4	Nước không doanh thu	%	17,26	19,02	(1.76%)
5	Phát triển khách hàng	Hộ	7.453	8.913	83,62%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,676	(18.646)	
7	Tỷ lệ cổ tức năm 2021 dự kiến	%	0 %	0 %	0 %
8	Tỷ suất lợi nhuận thuần	%			
9	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	315,2	315,2	100 %

Trong năm 2021: Giảm tiền nước 02 kỳ (kỳ 9 & kỳ 10 -2021) hỗ trợ Covid-19 theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tổng số tiền giảm: 1,147 tỷ đồng.

### **2- 1 Công tác chăm sóc khách hàng.**

Đầu năm 2021, Công ty thành lập Tổng đài chăm sóc khách hàng. Là đầu mối tiếp nhận thông tin khách hàng, chuyển thông tin cho bộ phận chuyên môn xử lý, kiểm tra lại công tác xử lý những thông tin. Thông qua tổng đài, Ban điều hành hiểu rõ hơn nhu cầu của khách hàng từng khu vực trên địa bàn thành phố



Buôn Ma Thuột, qua đó có phương án điều hành sản xuất, kinh doanh phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

Công ty đã triển khai thành công Thông báo tiền nước khách hàng sử dụng hàng tháng, nhắc nợ tiền nước, tạm ngừng cung cấp nước.... qua tin nhắn SMS. Qua đó, giúp khách hàng chủ động hơn trong thanh toán tiền nước.

Công ty tiếp tục tuyên truyền, đẩy mạnh khuyến khích khách hàng thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt. Giao chỉ tiêu cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty cùng thực hiện.

Công tác Ghi – Thu trong năm 2021 cơ bản đạt những yêu cầu của Hội đồng quản trị giao. Tỷ lệ tồn thu < 1%, công tác Ghi đảm bảo chính xác, đúng lịch được phân công. Trong năm 2022 tiếp tục hoàn thiện công tác Ghi – Thu và đẩy mạnh khuyến khích khách hàng thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt.

## **2.2- Công tác sản xuất, giảm thất thoát và chất lượng nước.**

### **- Công tác sản xuất:**

Trong năm 2021, công tác sản xuất nước ổn định nhưng sản lượng sụt giảm do dịch bệnh ảnh hưởng (*trường học đóng cửa; các cơ quan nhà nước hoạt động 30%; cơ sở kinh doanh tạm ngưng kinh doanh*). Nước sản xuất đạt 95,27% kế hoạch, nước ghi thu đạt 97,29% kế hoạch.

Thực hiện chủ trương hạn chế khai thác nước ngầm của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Công ty đã xây dựng kế hoạch giảm nguồn nước ngầm, đưa một số giếng vào vận hành bảo trì làm nguồn dự trữ qua đó vẫn duy trì được áp lực nước trên mạng.

- Công tác Chống thất thoát nước: Ứng dụng phần mềm GIS trong công tác quản lý sự cố, phân vùng, tách mạng, quản lý mạng lưới hỗ trợ trong công tác chống thất thoát và công tác dò tìm, sửa chữa điểm chảy. Ứng dụng các chương trình quản lý nhằm theo dõi diễn biến áp lực trên mạng lưới cấp nước, lưu lượng nước đầu vào hàng ngày để có thể đánh giá đúng tình trạng thất thoát nước, làm cơ sở để xử lý khắc phục. Ứng dụng phần mềm phân hệ DMA-DMZ hỗ trợ công tác tính tỉ lệ thất thoát các vùng một cách nhanh nhất hỗ trợ công tác phân tích, đánh giá ra quyết định.

Năm 2020, tỷ lệ nước không doanh thu toàn công ty là 21,94%. Năm 2021, tỷ lệ này giảm xuống còn 17,26%, như vậy, nước không doanh thu năm 2021 giảm 4,68% so với năm 2020. Những giải pháp trọng tâm trên đã cải thiện đáng kể tỷ lệ nước không doanh thu;

### **- Công tác chất lượng nước:**

- o Nước sạch do Công ty Cổ phần cấp nước Đắk Lắk cung cấp đến người tiêu dùng bảo đảm đạt theo QCVN01-1:2018/BYT. (*Ban hành kèm thông tư số: 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018*). Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.



- o Phòng Kiểm tra chất lượng sản phẩm (Phòng KCS) của Công ty: Đã được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam (VACI) công nhận đạt Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2017. Lĩnh vực công nhận Hóa. Trên cơ sở đó hàng năm Phòng KCS đã thử nghiệm khoảng: 400 mẫu nước sạch bao gồm các chỉ tiêu (pH, Độ đục, Độ màu, Clo tự do...) ngoài ra các chỉ tiêu khác của QCVN01-1:2018/BYT định kỳ Công ty hợp đồng thử nghiệm bên ngoài với Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2 - Đà Nẵng.
- o Kết quả thử nghiệm nội kiểm và ngoại kiểm trong những năm gần đây có các chỉ tiêu phân tích đều dưới ngưỡng cho phép của QCVN01-1:2018/BYT. Đây là cơ sở pháp lý khẳng định rằng chất lượng nước sạch của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk cung cấp luôn luôn đạt chất lượng.

### 2.3- Công tác đầu tư mở mạng.

#### - Về công tác đầu tư:

Tính đến 31/12/2021, Công ty đã phê duyệt và triển khai thi công tổng cộng 124 công trình đầu tư với tổng giá trị dự toán đầu tư là 48,34 tỷ đồng, trong đó có 12 công trình trong kế hoạch năm 2021 với tổng giá trị đầu tư dự toán là 29,95 tỷ (đạt 37% so với kế hoạch đề ra ban đầu là 80,61 tỷ) và 112 công trình ngoài kế hoạch với tổng giá trị đầu tư là 18,4 tỷ đồng.

Trong năm 2021 đã quyết toán và quyết toán giai đoạn 106 công trình với tổng giá trị quyết toán là 28 tỷ đồng; trong đó 12 công trình nằm trong kế hoạch 2021 với tổng giá trị quyết toán là 13,92 tỷ đồng và 94 công trình ngoài kế hoạch với giá trị quyết toán là 14,08 tỷ đồng.

Với các dự án, công trình đã được phê duyệt, tiến độ thi công chưa được đảm bảo theo kế hoạch ban đầu và còn gặp khó khăn về vốn, vướng mặt bằng thi công; trong thời gian tới cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện để sớm đưa vào vận hành khai thác.

#### - Về công tác đầu tư nguồn vốn ADB:

Trong năm 2021 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước tỉnh Đắk Lắk đã bàn giao cho Công ty tiếp nhận đưa vào sử dụng Hệ thống cấp nước của 03 huyện thuộc Dự án cấp nước thành phố Buôn Ma Thuột và 03 huyện Ea Kar; Krông Năng; Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk với tổng giá trị tài sản là: 106,336 tỷ đồng. Trong đó

- + Hệ thống nhà máy nước thị trấn Ea Kar: 45,557 tỷ đồng
- + Hệ thống nhà máy nước thị trấn Krông Năng: 33,757 tỷ đồng
- + Hệ thống nhà máy nước thị trấn Buôn Đôn: 27,022 tỷ đồng

### 2.4- Công tác tài chính.



Trong năm 2021 công ty cần một nguồn vốn lớn để đầu tư và chi phí cho công tác hoạt động SXKD, trong đó các khoản chi chủ yếu như: Chi góp vốn đối ứng cho dự án cấp nước thành phố Buôn Ma Thuột và 03 huyện Ea Kar – Krông Năng – Buôn Đôn (*theo cam kết của dự án*), chi đầu tư mở rộng mạng lưới phát triển khách hàng nhằm khai thác công suất của các nhà máy, chi đầu tư máy móc trang thiết bị, vật liệu, nhân công và các khoản chi phí khác..

Ngoài nguồn doanh thu hàng tháng của Công ty hơn 15 tỷ đồng/tháng, trong năm 2021 Công ty cũng đã huy động giải ngân hơn 875 triệu đồng từ nguồn vốn vay của Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk để thanh toán vốn đối ứng cho dự án cấp nước Buôn Ma Thuột và 03 huyện; tiếp tục thực hiện hợp đồng vay vốn hạn mức 20 tỷ của Ngân hàng TMCP Vietin Bank Đắk Lắk để giải ngân thanh toán chi phí thường xuyên như tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên và các chi phí khác...

Trước tình hình của dịch bệnh Covid-19 kéo dài dẫn đến việc giá bán nước sạch chưa được điều chỉnh tăng theo đúng lộ trình đã cam kết với Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB); trong khi đó Công ty phải bố trí thanh toán khoản nợ đến hạn trả cho Ngân hàng phát triển Châu Á (kỳ 01/06/2021) với số tiền 15,59 tỷ đồng, bố trí nguồn vốn đối ứng để thanh toán cho các nhà thầu thực hiện các gói thầu của dự án ADB với số tiền 13,99 tỷ đồng, trả nợ vay đến hạn cho Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk với số tiền 4,64 tỷ đồng để thực hiện dự án Cấp nước thành phố Buôn Ma Thuột và 03 huyện.

Mặc dù có nhiều khó khăn nhưng dưới sự chỉ đạo điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty cũng đã bố trí phân phối nguồn vốn hợp lý kịp thời để đảm bảo nguồn vốn đầu tư mở rộng mạng lưới phát triển khách hàng, trả nợ vay vốn ADB, trả nợ vay vốn từ Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk, trả nợ cho các nhà cung cấp vật tư thiết bị, thanh toán các chế độ lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên đúng hạn kịp thời. Tuy nhiên, do ảnh hưởng với điều kiện khách quan của việc điều chỉnh tăng giá nước chưa đúng lộ trình đã được cam kết với (ADB) để thực hiện dự án Cấp nước thành phố Buôn Ma Thuột và 03 huyện cho nên các chi phí khấu hao, chi phí lãi vay và các chi phí khác liên quan chưa được cơ cấu vào giá thành nước hiện tại, vì vậy Công ty không đảm bảo nguồn thu để trả nợ vay, từ đó dẫn đến hiện nay công ty còn khoản nợ quá hạn của khoản vay (ADB) của kỳ 01/12/2021 với số tiền 666.103,77 USD (tương đương 15,338 tỷ đồng).

#### 2.6 - Công tác nhân sự:

- Tổng số lao động đến 31/12/2021 là 401 người, trong đó: có 81 lao động nữ; lao động có trình độ đại học và trên đại học là 140 người, chiếm 34,9%; trình độ cao đẳng, trung cấp là 92 người, chiếm 23 %; công nhân kỹ thuật 169 người, chiếm 42.1%.

- Về tình hình đời sống, việc làm và chăm sóc sức khỏe cho người lao động:

- o Công ty vẫn duy trì công việc ổn định cho người lao động với



mức thu nhập bình quân: 11.380.000 đồng/người/tháng.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe: trong năm đã tổ chức cho CBCNV khám sức khỏe định kỳ với tổng kinh phí là 186.249.600 đồng.
- Thực hiện chế độ Bảo hiểm đối với người lao động: Công ty đã thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách BHXH, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Cụ thể như sau:
  - Bảo hiểm xã hội: 6.957.653.582 đồng.
  - Bảo hiểm y tế: 1.240.212.563 đồng.
  - Bảo hiểm thất nghiệp: 483.512.239 đồng.
- Công tác trang bị đồng phục, bảo hộ lao động: Năm 2021 đã trang bị với tổng số tiền là: 395.308.700 đồng.

Kết quả tổng hoà các yếu tố trên đã được phản ánh đầy đủ trên báo cáo tài chính năm 2021.

## II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022:

### 1. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản:

- Ban Tổng Giám đốc cam kết hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm cao nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty và gia tăng giá trị cho các cổ đông. Ngoài những nhiệm vụ được giao theo các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Ban Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch năm 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	% KH 2022 / TH 2021
1	Nước sản xuất	triệu m <sup>3</sup>	20,97	21,84	+4,1%
2	Nước ghi thu	triệu m <sup>3</sup>	17,34	18,15	+4,7%
3	Nước không doanh thu	%	17,26	16,92	- 0,34%
4	Doanh thu	Tỷ đồng	179,014	184,31	+3%
4.1.	Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	155,43	162,79	+4,7%
4.2.	Doanh thu xây lắp	Tỷ đồng	12,34	12,09	-2,03%
4.3.	Doanh thu khác	Tỷ đồng	11,24	9,42	
5	Phát triển khách hàng	Hộ	7.453	7.568	+1,5%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,676	(9,56)	
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	315,2	315,2	

### 2. Giải pháp thực hiện:



- Ban Tổng Giám đốc tiếp tục tập trung chỉ đạo vào khai thác để phát huy hiệu quả của dự án, đẩy nhanh tiến độ khôi phục khách hàng cũ, chuyển dịch tỷ lệ sử dụng nước sạch của các nhà hàng, khách sạn chiếm tỷ trọng lớn hơn. Đồng thời, BTGD chỉ đạo tập trung tìm kiếm nguồn vốn vay ưu đãi phát triển các dự án đầu tư mở mạng để thực hiện kế hoạch kinh doanh và chiến lược phát triển khách hàng trong các năm tiếp theo nhằm chuẩn bị cho chiến lược trung và dài hạn của Công ty.

- Đẩy nhanh tiến độ ban hành giá thành nước mới, tạo được nguồn vốn chi trả vốn vay ADB và nguồn vốn đầu tư phát triển.

- Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, năm 2022 thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, BTGD sẽ từng bước hoàn thiện các quy chế, quy trình, nâng cao vai trò của Ban điều hành để kịp thời phối hợp và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

### **2.1. Công tác đầu tư năm 2022.**

- Kế hoạch đầu tư mở rộng mạng lưới 2022 dự kiến khoảng 38 tỷ đồng, chia làm nhiều giai đoạn đầu tư, triển khai cho 5 chi nhánh bao gồm CN Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Ea Kar, Krông Păk và Ea Súp.

- Ngoài nguồn vốn đầu tư theo kế hoạch được phê duyệt, Công ty đầu tư một số hạng mục công trình phát sinh ngoài kế hoạch (dự kiến khoảng 10 tỷ) để phát triển khách hàng theo nhu cầu đô thị hóa tại thành phố Buôn Ma Thuột và bảy chi nhánh trực thuộc.

### **2.2. Công tác tài chính**

- Xây dựng kế hoạch vay vốn từ nguồn vốn từ quỹ đầu tư của Tỉnh, đảm bảo nguồn vốn giải ngân kịp thời cho đầu tư phát triển năm 2022.

### **2.3. Việc làm, tiền lương, đời sống, chính sách**

- Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp tục duy trì ổn định việc làm, tiền lương và thu nhập cho người lao động.

- Rà soát, chỉnh sửa Quy chế quản trị, Quy chế trả lương, thưởng cho người lao động ,...

### **2.4. Công tác Quản lý mạng lưới - chống thất thoát nước**

- Có các giải pháp mới trong công tác chống thất thoát nước và đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các giải pháp mới, làm cơ sở triển khai đồng bộ cho toàn Công ty. Việc khoanh vùng, tách mạng phải khoa học, có số liệu phân tích cụ thể để bảo đảm áp lực nước, lưu lượng nước và tính liên tục của việc cấp nước.

- Áp dụng phần mềm theo dõi lưu lượng và áp lực trong công tác quản lý mạng lưới - chống thất thoát nước. Tiếp tục phát huy hiệu quả của hệ thống GIS mang lại, từng bước đồng bộ dữ liệu cho toàn Công ty.



- Đối với các chi nhánh có tỷ lệ thất thoát cao, cần đưa ra giải pháp đồng bộ để giảm tỷ lệ thất thoát theo kế hoạch xây dựng, các chi nhánh khác cần duy trì, từng bước giảm tỷ lệ thất thoát trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

### **2.5. Công tác dịch vụ khách hàng**

- Áp dụng nhiều giải pháp để tiến tới giảm tỷ lệ thu tiền mặt; qua đó thực hiện nhiều hình thức, nhiều kênh thanh toán như: qua các đơn vị thu hộ, các ví điện tử, các ngân hàng ... để khách hàng thuận lợi trong việc thanh toán tiền nước. Trong năm 2022 cần phối hợp với các ngân hàng đẩy nhanh việc triển khai hình thức thanh toán tự động qua ngân hàng đối với khách hàng sử dụng nước toàn Công ty, tiến đến không thu tiền nước tại nhà khách hàng như hiện nay.

- Công tác phát triển khách hàng cần phải triển khai và có chương trình hành động quyết liệt để đạt được kế hoạch 2022 đã đề ra. Có giải pháp khuyến khích khách hàng sử dụng nước trở lại và sử dụng nước tại những tuyến ống mới đầu tư, nhằm phát triển khách hàng.

- Tiếp tục hoàn thiện quy trình ghi thu, dịch vụ khách hàng cho phù hợp, tạo sự thống nhất trong toàn Công ty.

- Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, tuyên truyền sử dụng nước sạch đến khách hàng & quản lý nhân viên ghi thu tránh trường hợp khiếu kiện vì ghi thu không kịp thời, ghi không chính xác.

### **III. Một số giải pháp chủ yếu.**

1. Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch đối với các máy bơm, thiết bị điện tử và các công trình xử lý nước tại tất cả các nhà máy sản xuất nước nhằm duy trì ổn định vận hành sản xuất, chú trọng bảo dưỡng các thiết bị, van khóa, họng cứu hỏa trên mạng lưới, kiểm tra các tuyến ống nước thô, tuyến ống truyền tải đảm bảo vận hành an toàn.

2. Cần thực hiện các giải pháp nhằm thực hiện cấp nước an toàn, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu sử dụng nước của khách hàng; Bên cạnh đó, cần tăng cường các giải pháp chống thất thoát, mục tiêu đạt được trong năm 2022 là: 16,89% toàn Công ty.

3. Đảm bảo áp lực nước cấp trong mạng lưới phân phối ổn định và hợp lý, cập nhật đưa dữ liệu lên phần mềm GIS phục vụ cho công tác quản lý mạng lưới cấp nước. Rà soát, thay thế định kỳ đồng hồ khách hàng và thay thế các tuyến ống kém chất lượng.

4. Tăng cường kiểm soát chất lượng nước tại các nhà máy sản xuất và mạng lưới phân phối, đảm bảo chất lượng nước cấp tại vòi cho khách hàng đạt tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế.

5. Với các dự án, công trình phát triển mạng lưới cấp nước đã được phê duyệt:



- Cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, cân đối nguồn vốn đầu tư để đạt được tiến độ theo kế hoạch.

- Với các dự án đã hoàn thành, cần có các giải pháp để khuyến khích người dân sử dụng và lắp đặt đồng hồ mới, cải thiện chỉ tiêu khách hàng lắp mới.

6. Tuyên truyền, vận động người dân sử dụng nước máy thay vì nguồn nước giếng.

7. Phối hợp chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Trưởng các Phòng ban, Chi nhánh trong công tác sản xuất, vận hành trạm bơm, công tác kinh doanh xây lắp để tăng hiệu quả hoạt động và tăng doanh thu tại các đơn vị trực thuộc.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty về kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.



**Nguyễn Khắc Dân**



Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: Số 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An,  
Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623..852619  
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

Số: 01/2022/BC – HĐQT

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 3 năm 2022

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

**Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk**

Thay mặt Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Lãnh đạo Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk, tôi xin gửi đến tất cả Quý vị cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Tháng 04 năm 2021, Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk đã tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Hội đồng Quản trị ghi nhận công tác chỉ đạo điều hành của Ban Tổng Giám đốc, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm và tính năng động, sáng tạo của tất cả Cán bộ, công nhân viên, người lao động, đặc biệt là sự ủng hộ của UBND tỉnh, huyện và các cơ quan chính quyền địa phương. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk đã cơ bản hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

### **I. Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021.**

#### **1. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị.**

- Hội đồng quản trị công ty hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động công ty.

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk đã tiến hành 04 phiên họp, tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT 04 lần, ban hành 08 Nghị quyết, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2021/NQ-HĐQT	29/01/2021	v/v Thông qua các nội dung về SXKD, báo cáo tài chính quý IV và cả năm 2020, kế hoạch SXKD quý I và cả năm 2021 và	100%





			một số nội dung khác	
2	02/2021/NQ-HĐQT	31/03/2021	v/v thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021; chủ trương hợp tác kinh doanh sản xuất nước uống đóng chai và một số nội dung khác	100%
3	03/2021/NQ-HĐQT	26/04/2021	v/v thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD quý I và kế hoạch quý II năm 2021 và một số nội dung khác	100%
4	05/2021/NQ-HĐQT	06/08/2021	v/v thông qua các nội dung về kết quả hoạt động SXKD quý II/2021, 6 tháng đầu năm 2021 và triển khai kế hoạch SXKD quý III/2021	100%
5	06/2021/NQ-HĐQT	26/10/2021	v/v thông qua các nội dung về kết quả hoạt động SXKD quý III/2021, 9 tháng đầu năm 2021 và triển khai kế hoạch SXKD quý IV/2021	100%
6	07/2021/NQ-HĐQT	02/11/2021	v/v thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc chấp thuận cho các cổ đông lớn không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai khi nhận quyền sở hữu cổ phần của Công ty	100%
7	10/2021/NQ-HĐQT	06/12/2021	v/v thông qua nội dung áp dụng mức thu tiền sử dụng nước sạch tại TT. Krông Năng, huyện Buôn Đôn và xã Dray Sáp.	100%
8	12/2021/NQ-HĐQT	30/12/2021	v/v thông qua các nội dung về kế hoạch SXKD năm 2022	100%

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, chiến lược về nhân sự ... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk.





Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: Số 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An,  
Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623..852619

Website: <https://Dakwaco.com.vn>

Hội đồng quản trị duy trì họp theo quy định mỗi quý ít nhất họp một lần để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với sự tham gia của Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các Thành viên Hội đồng quản trị cũng đã có nhiều cố gắng hoàn thành chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và Người lao động.

## **2. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021**

Năm 2021 là một năm khó khăn vì dịch bệnh Covid-19 phát triển lan rộng và phức tạp hơn cả năm 2020, Công ty đã đồng hành cùng với chính quyền địa phương thực hiện việc giảm giá nước sinh hoạt trong 02 kỳ để góp phần hỗ trợ, chia sẻ những khó khăn cùng với người dân trong tình hình dịch bệnh với tổng số tiền: 1,147 tỷ đồng. Trong năm 2021 giá thành nước vẫn chưa được phê duyệt do yếu tố khách quan dịch bệnh, sau đó Bộ Tài chính ban hành Thông tư 44/2021/TT-BTC ngày 18/06/2021 quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt nên Công ty phải lập lại phương án. Trong khi đó Công ty vẫn phải thực hiện trả nợ ADB kỳ 1 vào tháng 6/2021 với số tiền gần 15 tỷ đồng bằng cách cắt giảm chi phí hoạt động sxkd, tăng thời gian trả nợ nhà cung cấp,... Tuy nhiên dù đã rất nỗ lực nhưng Công ty không có khả năng trả nợ ADB đến kỳ 2 tháng 12/2021. Công ty đã phối hợp làm việc cùng Ngân hàng phát triển làm rõ nguyên nhân quá hạn và báo cáo UBND tỉnh xem xét gia hạn thời gian trả nợ ADB và tăng giá nước để Công ty có khả năng trả nợ ADB theo cam kết và theo đúng lộ trình tăng giá khi thực hiện dự án. Vì vậy, Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021 vẫn chưa khả quan.

### **Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản năm 2021:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu	Tỷ đồng	179,014	173,279	103,3%
2	Nước sản xuất	Tr m <sup>3</sup>	20,969	22,009	95,27%
3	Nước ghi thu	Tr m <sup>3</sup>	17,341	17,823	97,29%





Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: Số 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An,  
Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623..852619

Website: <https://Dakwaco.com.vn>

4	Nước không doanh thu	%	17,26	19,02	(1.76%)
5	Phát triển khách hàng	Hộ	7.453	8.913	83,62%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,676	(18.646)	
7	Tỷ lệ cổ tức năm 2021 dự kiến	%	0 %	0 %	0 %
8	Tỷ suất lợi nhuận thuần	%			
9	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	315,2	315,2	100 %

Trên đây là báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 so với kế hoạch năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

### 3. Chi trả thù lao, tiền thưởng cho thành viên HĐQT, BKS

- Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 về việc thông qua kế hoạch chi thù lao đối với HĐQT và BKS. Trong năm 2021 thực hiện chi trả thực tế tổng thù lao HĐQT và BKS cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: VNĐ*

STT	Đối tượng	Kế hoạch thù lao 2021	Thực chi thù lao 2021	Ghi chú
1	HĐQT & BKS	756.000.000	599.376.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>756.000.000</b>	<b>599.376.000</b>	

### 4. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, HĐQT thực hiện chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành Công ty một cách thường xuyên, liên tục thông qua những công cụ giám sát, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ SXKD, các mẫu biểu, văn bản báo cáo của Ban tổng giám đốc và cán bộ quản lý các phòng nghiệp vụ chuyên môn như sau:

+ Trong năm 2021 Ban điều hành đã đạt thực hiện triển khai đúng và đầy đủ các Nghị quyết của HĐQT và đạt được những kết quả nhất định.

+ Ban điều hành đã có nhiều cố gắng, đoàn kết và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

- Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, sự đồng lòng của cán bộ, công nhân viên, người lao





Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: Số 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An,  
Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623..852619  
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

động, Công ty sẽ vượt qua các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông tin tưởng giao phó, từng bước khắc phục các trở ngại trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phía trước.

### **Kết quả giám sát đối với Trưởng - Phó các Phòng ban, Chi nhánh:**

- Hội đồng quản trị luôn song hành cùng Ban điều hành và Trưởng – Phó các bộ phận trong từng hoạt động, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên làm việc với Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác, định kỳ họp giao ban bình quân 01 lần/tháng. Các thành viên của Hội đồng quản trị thường xuyên hội ý, thống nhất các giải pháp về đầu tư, tài chính, kinh doanh, giảm thiểu các chi phí vận hành để đảm bảo nguồn tài chính của công ty... Vì vậy, Công ty đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông năm 2021 đề ra.

### **II. Kế hoạch hoạt động HĐQT năm 2022**

- Năm 2022 Hội đồng quản trị sẽ từng bước hoàn thiện các quy chế, quy trình, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị để kịp thời phối hợp và xử lý xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công tác quản trị và tối đa lợi ích của cổ đông.

- Hội đồng quản trị cam kết hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm cao nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty và gia tăng giá trị cho các cổ đông. Ngoài những nhiệm vụ được giao theo các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch năm 2022 như sau.

#### **1. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản.**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Ghi chú
1	Nước sản xuất	triệu m <sup>3</sup>	20,97	21,84	
2	Nước ghi thu	triệu m <sup>3</sup>	17,34	18,15	
3	Nước không doanh thu	%	17,26	16,92	
4	Doanh thu	Tỷ đồng	179,014	184,31	
4.1.	Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	155,43	162,79	
4.2.	Doanh thu xây lắp	Tỷ đồng	12,34	12,09	
4.3.	Doanh thu khác	Tỷ đồng	11,24	9,42	
5	Phát triển khách hàng	Hộ	7.453	7.568	
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,676	(9,56)	
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	315,2	315,2	





**Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk**  
Trụ sở: Số 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An,  
Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 02623..852619

Website: <https://Dakwaco.com.vn>

## **2. Giải pháp thực hiện.**

- HĐQT tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh khai thác để phát huy hiệu quả của dự án, đẩy nhanh tiến độ khôi phục khách hàng cũ, chuyển dịch tỷ lệ sử dụng nước sạch của các nhà hàng, khách sạn chiếm tỷ trọng lớn hơn.

- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước và lắp đặt hệ thống cung cấp nước sạch đảm bảo tầm xa 10-15 năm và bám sát quy hoạch, định hướng phát triển đô thị của địa phương.

- Giao Ban điều hành xây dựng các phương án chống thất thoát hiệu quả. Thực hiện cải tạo, nâng cấp và thay mới hệ thống nước đã xuống cấp, hư hỏng.

- Tập trung và đẩy nhanh tiến độ thực hiện tăng giá nước, để tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và có dòng tiền chi trả vốn vay ADB và nguồn vốn đầu tư phát triển.

- Thực hiện khảo sát và đầu tư hệ thống công nghệ tự động hóa đồng bộ hoạt động sản xuất nước.

- Nghiên cứu phương án sử dụng công nghệ điện phân muối ăn thay cho việc sử dụng Clo hơi (hiện đang sử dụng) trong việc khử trùng đang gặp nhiều rủi ro nguy hại.

- Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, năm 2022 thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT sẽ từng bước hoàn thiện các quy chế, quy trình, giám sát công tác điều hành của Ban điều hành để kịp thời phối hợp và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Ban TGD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT



**Đỗ Hoàng Phúc**



Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Số 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân  
An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tel: 02623.852619  
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
(Số: ...../2022/BC – BKS)

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần cấp nước Đắk Lắk**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần cấp nước Đắk Lắk;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát đã được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần cấp nước Đắk Lắk;

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 bởi **CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)**;

Theo chương trình kiểm soát năm 2021, Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trình Đại hội cổ đông về kết quả kiểm soát như sau:

**1. Hoạt động của Ban kiểm soát 2021:**

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ 02 lần/năm (06 tháng tổ chức họp 01 lần) và kiểm tra giám sát tuân thủ việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ, các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành theo các quy định quản trị doanh nghiệp và điều lệ công ty.

Tham dự các cuộc họp HĐQT, trực tiếp làm việc với ban điều hành để thảo luận về các vấn đề liên quan đến việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty.

Giám sát tình hình hoạt động và tài chính công ty: BKS đã kiểm tra báo cáo tài chính năm 2021, các báo cáo tài chính kiểm toán nhằm đánh giá tính hợp lý, chính xác trung thực các số liệu tài chính phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chất vấn Hội đồng quản trị và Ban điều hành đối với những hoạt động bất thường.

**2. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành năm 2021:**

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát (“BKS”) đã triển khai hoạt động giám sát theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát không phát hiện gian lận trong





**Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk**  
Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân  
An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tel: 02623.852619  
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

hoạt động điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành cũng như trưởng các phòng ban của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành được tổ chức theo đúng quy định, các Nghị quyết được ban hành trên cơ sở đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty và các Cổ đông.

### **3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:**

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được kiểm toán bởi **CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)**; Báo cáo tài chính được đơn vị kiểm toán xác nhận đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần cấp nước Đắk Lắk tại thời điểm 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các chỉ tiêu cơ bản theo Báo cáo tài chính kiểm toán như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021</b>
1	Tổng doanh thu	179.014.188.314
2	Lợi nhuận trước thuế	676.842.012
3	Tài sản ngắn hạn	136.224.028.185
4	Tài sản dài hạn	691.634.568.615
5	Nợ phải trả	515.897.061.720
6	Vốn chủ sở hữu	311.961.535.080

### **4. Thù lao, tiền thưởng của Ban Kiểm soát năm 2021:**

Ban kiểm soát đã nỗ lực trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao và đã được chi trả thù lao, tiền thưởng với tổng số tiền là 114.000.000 đ/năm.

### **5. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông:**

- BKS phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) và các nghị quyết HĐQT.





Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân  
An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tel: 02623.852619  
Website: [Https://Dakwaco.com.vn](https://Dakwaco.com.vn)

- BKS đã nhận được đầy đủ các thông tin và nghị quyết của HĐQT, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty.

- Kiểm soát viên tham dự các phiên họp của HĐQT, trên cơ sở đó kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- BKS duy trì độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình. Trong năm, BKS cũng chưa nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HĐQT, BKS, BTGD và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

#### **6. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát**

- Trong phạm vi trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy chế nội bộ có liên quan, BKS trong năm 2021 đã nỗ lực hoàn thành các công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

- Trong năm 2021 BKS đã tổ chức họp 02 lần để phân công nhiệm vụ kiểm tra giám sát cho từng thành viên trong ban để đạt được hiệu quả cao trong quá trình kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty. Qua công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2021, BKS có kết luận như sau:

5.1 Về cơ bản Công ty và các thành viên HĐQT, BKS, BTGD, KTT của Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

5.2 Trong thời gian tới đề nghị Công ty cần lưu ý trong việc kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý và hệ thống nhân sự, hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật, để phù hợp với quy mô hiện tại cũng như xu hướng phát triển của công ty.

5.3 Công ty đã chính thức chuyển đổi sang công ty cổ phần từ tháng 06/2019, tuy nhiên đến nay vẫn chưa hoàn thành công tác quyết toán bàn giao. Đề nghị Ban điều hành tập trung và đẩy nhanh hoàn thiện công tác quyết toán bàn giao từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần.

#### **7. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022**

- Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban trong việc thực hiện triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết HĐQT và trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.





Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân  
An, TP. Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk.

Tel: 02623.852619  
Website: [Https://Dakwaco.com.vn](https://Dakwaco.com.vn)

- Phân giao nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên trong Ban để công tác kiểm tra, giám sát đạt kết quả tốt nhất.

- Tham dự các cuộc họp HĐQT để thảo luận và nắm bắt đầy đủ về các vấn đề liên quan đến việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty.

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.*

**T/M BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Lê Đặng Uyên Đan**



Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân  
An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tel: 02623.852619  
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

Số: 02 /2022/TTr-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 3 năm 2022

## TỜ TRÌNH

V/v: *Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty*

**Kính gửi:** Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021 (*Báo cáo tài chính được đính kèm*).

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Đỗ Hoàng Phúc**





Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng P. Tân An TP.  
Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tel: 02623.852.619  
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

Số: 04 /2022/TTr-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 3 năm 2022

## TỜ TRÌNH

V/v: *Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021*  
*Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch 2022*

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.**

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk, Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, tổng mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và Kế hoạch tổng mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 như sau:

### I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện Năm 2021
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	179.014.188.314 VNĐ
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	676.842.012 VNĐ
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2021	Đồng	676.842.012 VNĐ
4	Cổ tức 2021		0%
5	Lợi nhuận chuyển năm sau	Đồng	676.842.012 VNĐ
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế từ 27/06/2019 đến 31/12/2021	Đồng	(3.238.464.920) VNĐ

### II. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và Kế hoạch tổng mức thù lao năm 2022

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tổng mức thù lao đã chi trả cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch tổng mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

STT	Nội dung	Tổng thù lao (lương và thưởng) năm 2021	Kế hoạch thù lao (lương và thưởng) năm 2022
01	Chủ tịch HĐQT	336.376.000 đồng	400.000.000 đồng/năm

02	Phó chủ tịch HĐQT	149.000.000 đồng	250.000.000 đồng/năm
03	Các TV HĐQT (3 TV)	0 đồng	80.000.000 đ/năm
04	Ban kiểm soát (3TV)	114.000.000 đồng	120.000.000 đ/năm

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Đỗ Hoàng Phúc**





Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân An,  
TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tel: 02623.852619  
Website: *Dakwaco.com.vn*

Số: 03 /2022/TTr-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 3 năm 2022

## TỜ TRÌNH

V/v: Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk**

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk và các quy định của pháp luật. Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty dựa vào các tiêu chí như sau:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán và có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty trong ngành tại Việt Nam;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán.

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022 phù hợp với tình hình thực tế trong năm và đáp ứng các tiêu chí trên.

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.*



**Đỗ Hoàng Phúc**

# **Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán độc lập**

Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



# Nội dung

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10

# Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

## Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## Kiểm toán

Các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

## Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ và cho tới ngày lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch	Ngày 4 tháng 1 năm 2022	-
Ông Ngô Đức Vũ	Chủ tịch	Ngày 24 tháng 6 năm 2019	Ngày 4 tháng 1 năm 2022
Ông Lê Tuấn	Thành viên	Ngày 24 tháng 6 năm 2019	Ngày 18 tháng 2 năm 2022
Ông Nguyễn Công Định	Thành viên	Ngày 24 tháng 6 năm 2019	-
Ông Nguyễn Khắc Dân	Thành viên	Ngày 24 tháng 6 năm 2019	-
Bà Phạm Thị Linh	Thành viên	Ngày 18 tháng 2 năm 2022	-
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	Ngày 18 tháng 2 năm 2022	-

### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Khắc Dân	Tổng Giám đốc	Ngày 24 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 24 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Công Định	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 07 năm 2019
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 6 tháng 1 năm 2022
Ông Trần Quốc Độ	Kế toán trưởng	Ngày 15 tháng 11 năm 2019

### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Đặng Uyên Đan	Trưởng ban	Ngày 18 tháng 2 năm 2022	-
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Trưởng ban	Ngày 24 tháng 6 năm 2019	Ngày 18 tháng 2 năm 2022
Bà Phan Thùy Giang	Thành viên	Ngày 24 tháng 6 năm 2019	Ngày 18 tháng 2 năm 2022
Bà Lê Thị Mai Ngọc	Thành viên	Ngày 24 tháng 6 năm 2019	-
Bà Hà Thị Thu Huyền	Thành viên	Ngày 18 tháng 2 năm 2022	-



## Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc lập báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các báo cáo tài chính đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị được yêu cầu:

- Lựa chọn chính sách kế toán thích hợp cùng với các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về việc Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Công ty hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên các báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty tuân thủ theo các yêu cầu trên trong việc trình bày các báo cáo tài chính.

## Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cùng với các thuyết minh đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân theo các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Khắc Dân  
Tổng Giám đốc

Đắk Lắk, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

# Báo cáo kiểm toán độc lập

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Grant Thornton (Vietnam) Limited  
18th Floor  
Hoa Binh International Office Building  
106 Hoang Quoc Viet Street  
Cau Giay District, Hanoi  
Vietnam  
T +84 24 3850 1686  
F +84 24 3850 1688

Số: 20-11-291-2

Kính gửi: Các cổ đông  
Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Đắk Lắk ("Công ty"), lập vào ngày 30 tháng 3 năm 2022, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, cùng với bản tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh khác, như được trình bày từ trang 6 đến trang 25.

## Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với các báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện bởi Hội đồng Quản trị cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



## Cơ sở ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên

### ***Giá trị các công trình tồn đọng lâu ngày***

Bao gồm trong số dư khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 có một số công trình dở dang với tổng giá trị là 2.064.060.569 VNĐ đã phát sinh từ các năm trước và không tiếp tục thực hiện trong năm hiện tại. Công ty chưa tiến hành đánh giá giá trị có thể thu hồi của các công trình này. Với các tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính chính xác và khả năng thu hồi của các số dư này cũng như ảnh hưởng, nếu có đến các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### ***Số dư các khoản phải thu***

Bao gồm trong số dư trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 có một số khoản phải thu khách hàng với số tiền là 4.044.469.208 VNĐ; một số khoản trả trước cho nhà cung cấp với số tiền là 237.933.000 VNĐ; và một số khoản phải thu khác với số tiền là 1.491.650.727 VNĐ chưa được đối chiếu và xác nhận với các đối tượng phải thu. Theo đó, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính chính xác, tính hiện hữu và khả năng thu hồi của các số dư này cũng như ảnh hưởng, nếu có, đến các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### ***Số dư phải trả người bán***

Bao gồm trong số dư khoản mục phải trả người bán trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 có một số khoản phải trả với số tiền tương ứng là 496.904.992 VNĐ chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng phải trả. Theo đó, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính chính xác của các số dư này cũng như ảnh hưởng, nếu có, đến các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### ***Số dư các khoản phải trả khác***

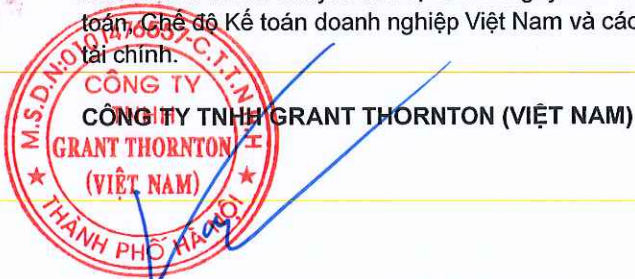
Bao gồm trong số dư khoản mục các khoản phải trả khác trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 có khoản phải trả Nhà nước về cổ phần hóa với số tiền 2.497.465.174 VNĐ. Tuy nhiên, đến thời điểm báo cáo này, các số liệu báo cáo tài chính liên quan đến quá trình cổ phần hóa và chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp cũng như xác định khoản phải trả về cổ phần hóa chưa được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản mục các khoản phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, có số dư phải trả liên quan đến khoản vay vốn Chính phủ Nhật Bản theo Quyết định số 882/QĐ-UB ngày 5 tháng 4 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đầu tư Dự án Cấp nước Thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'Gar với số tiền là 8.059.727.581 VNĐ. Đến thời điểm báo cáo này, Công ty vẫn chưa xác định được đối tượng cho vay, thời hạn và lãi suất vay.

Với các tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính chính xác của khoản phải trả nêu trên và ảnh hưởng, nếu có, đến các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

## Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng, nếu có, của các vấn đề nêu trong phần *Cơ sở ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên*, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



\_\_\_\_\_  
**Lê Thế Việt**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0821-2018-068-1  
Phó Tổng Giám đốc

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Dịch Dũng**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2484-2019-068-1  
Kiểm toán viên

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022



# Bảng cân đối kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ	31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>		100	<b>136.224.028.185</b>	<b>167.705.837.480</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền		110	11.621.418.937	6.977.149.898
Tiền	5	111	11.621.418.937	6.977.149.898
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	511.000.000	3.011.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	511.000.000	3.011.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	99.310.408.527	133.775.988.568
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	131	9.461.739.478	11.297.654.089
Trả trước cho người bán		132	819.995.000	1.180.053.000
Phải thu ngắn hạn khác	7	136	90.678.666.878	121.298.281.479
Dự phòng các phải thu ngắn hạn khó đòi	8	137	(1.649.992.829)	-
Hàng tồn kho		140	24.642.894.883	23.482.637.994
Hàng tồn kho	9	141	24.642.894.883	23.482.637.994
Tài sản ngắn hạn khác		150	138.305.838	459.061.020
Chi phí trả trước ngắn hạn	10	151	138.305.838	141.140.604
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	-	315.929.259
Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước		153	-	1.991.157
Tài sản dài hạn		200	691.634.568.615	614.571.916.622
Tài sản cố định		220	656.927.824.192	583.585.158.592
Tài sản cố định hữu hình	11	221	652.455.861.522	581.856.225.158
- Nguyên giá		222	1.029.675.619.151	890.601.670.423
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(377.219.757.629)	(308.745.445.265)
Tài sản cố định vô hình	12	227	4.471.962.670	1.728.933.434
- Nguyên giá		228	6.118.264.545	2.813.082.727
- Giá trị hao mòn lũy kế		229	(1.646.301.875)	(1.084.149.293)
Tài sản dở dang dài hạn		240	9.255.531.338	11.595.896.432
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	242	9.255.531.338	11.595.896.432
Tài sản dài hạn khác		260	25.451.213.085	19.390.861.598
Chi phí trả trước dài hạn	10	261	25.451.213.085	19.390.861.598
<b>Tổng tài sản</b>		<b>270</b>	<b>827.858.596.800</b>	<b>782.277.754.102</b>

# Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2021 VNĐ	31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
<b>NGUỒN VỐN</b>				
Nợ phải trả		300	515.897.061.720	471.035.751.825
Nợ ngắn hạn		310	114.266.728.533	87.821.460.649
Phải trả người bán ngắn hạn	14	311	16.020.326.621	24.278.952.872
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	312	788.940.291	2.359.262.070
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	313	1.820.940.628	1.625.123.295
Phải trả người lao động		314	9.290.095.652	7.381.978.823
Chi phí phải trả ngắn hạn	17	315	2.614.944.439	476.583.000
Phải trả ngắn hạn khác	18	319	17.942.765.673	13.791.565.817
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	320	62.140.526.085	34.259.805.628
Quý khen thưởng, phúc lợi		322	3.648.189.144	3.648.189.144
<b>Nợ dài hạn</b>		330	<b>401.630.333.187</b>	<b>383.214.291.176</b>
Phải trả dài hạn khác	18	337	934.526.003	820.070.547
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	338	400.695.807.184	382.394.220.629
<b>Vốn chủ sở hữu</b>		400	<b>311.961.535.080</b>	<b>311.242.002.277</b>
Vốn chủ sở hữu	20	410	311.961.535.080	311.242.002.277
Vốn cổ phần	21	411	315.200.000.000	315.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a	315.200.000.000	315.200.000.000
Lỗ lũy kế	20	421	(3.238.464.920)	(3.957.997.723)
- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		421a	(3.915.306.932)	(5.597.776.604)
- LNST chưa phân phối năm nay		421b	676.842.012	1.639.778.881
<b>Tổng nguồn vốn</b>		440	<b>827.858.596.800</b>	<b>782.277.754.102</b>



Đắk Lắk, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Khắc Dân  
Tổng Giám đốc

Trần Quốc Độ  
Kế toán trưởng

Đặng Thị Ngọc Linh  
Người lập



# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	01	179.014.188.314	169.609.859.989
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	(90.840.504)	(84.362.403)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	178.923.347.810	169.525.497.586
Giá vốn hàng bán	24,29	11	(115.615.783.038)	(111.455.899.856)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	63.307.564.772	58.069.597.730
Doanh thu hoạt động tài chính	25	21	3.179.682.185	719.865.949
Chi phí tài chính	26	22	(3.526.628.819)	(100.898.518)
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	(3.526.628.819)	(100.898.518)
Chi phí bán hàng	27,29	25	(41.984.011.137)	(38.249.789.951)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	28,29	26	(20.903.298.442)	(19.168.814.727)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30	73.308.559	1.269.960.483
Thu nhập khác		31	820.330.090	829.808.457
Chi phí khác		32	(216.796.637)	(459.990.059)
Lợi nhuận khác		40	603.533.453	369.818.398
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30	50	676.842.012	1.639.778.881
Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	51	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	20	60	<b>676.842.012</b>	<b>1.639.778.881</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	70	21	52



Đắk Lắk, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Khắc Dân  
Tổng Giám đốc

Trần Quốc Độ  
Kế toán trưởng

Đặng Thị Ngọc Linh  
Người lập

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(phương pháp gián tiếp)

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
			31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế		01	676.842.012	1.639.778.881
<b>Điều chỉnh:</b>				
Khấu hao tài sản cố định		02	69.036.464.946	62.081.882.497
Tăng các khoản dự phòng		03	1.649.992.829	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ		04	(2.694.425.843)	(231.688.134)
Lãi từ hoạt động đầu tư		05	(485.256.342)	(488.192.429)
Chi phí lãi vay		06	3.526.628.819	100.898.518
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		08	<b>71.710.246.421</b>	<b>63.102.679.333</b>
Thay đổi các khoản phải thu		09	32.833.567.563	(45.637.744.753)
Thay đổi hàng tồn kho		10	(1.160.256.889)	(4.596.745.577)
Thay đổi các khoản phải trả		11	(3.124.463.049)	1.514.155.342
Thay đổi chi phí trả trước		12	(6.057.516.721)	(7.740.524.148)
Tiền lãi vay đã trả		14	(2.045.366.744)	(100.898.518)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		15	-	(1.473.490.114)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		17	-	(777.192.933)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		20	<b>92.156.210.581</b>	<b>4.290.238.632</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		21	(140.038.765.452)	(43.934.872.604)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		23	(23.000.000.000)	(5.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		24	25.842.630.856	3.000.000.000
Thu nhập tiền lãi nhận được		27	485.256.342	488.192.429
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		30	<b>(136.710.878.254)</b>	<b>(45.946.680.175)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay		33	100.216.890.984	50.205.177.110
Tiền chi trả nợ gốc vay		34	(51.017.954.272)	(27.085.027.277)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		40	<b>49.198.936.712</b>	<b>23.120.149.833</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		50	<b>4.644.269.039</b>	<b>(18.536.291.710)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm		5 60	6.977.149.898	25.513.441.608
Tiền và tương đương tiền cuối năm		5 70	11.621.418.937	6.977.149.898



Đắk Lắk, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Khắc Dân  
Tổng Giám đốc

Trần Quốc Độ  
Kế toán trưởng

Đặng Thị Ngọc Linh  
Người lập



# Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## 1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk theo Quyết định số 3514/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175995 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, Công ty nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 phê duyệt việc chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty là 315.200.000.000 VNĐ.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 339 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 398 người (31 tháng 12 năm 2020: 388 người).

## 2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

### 2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

## 3. Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính của Công ty không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

## 4. Chính sách kế toán áp dụng

### 4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được qui đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



#### 4.2 Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

#### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền ký quỹ ký cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

#### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có khả năng không thu hồi được các khoản đầu tư này. Tổn thất từ việc không thu hồi được khoản đầu tư, nếu chưa được trích lập dự phòng, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ và giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

#### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Hội đồng Quản trị trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

#### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v..) có thể xảy ra đối với vật tư tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

##### Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì nguyên giá ban đầu được tính bằng cách lấy tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Nguyên giá TSCĐ hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.



### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn	7 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

## **4.8 Tài sản cố định vô hình**

### **Phần mềm**

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

### **Quyền khai thác nước ngầm**

Quyền khai thác nước ngầm được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 20 năm theo thời hạn được cấp quyền.

## **4.9 Tài sản dở dang dài hạn**

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dang dở bao gồm chi phí nhà cửa, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc xây dựng và lắp đặt đã hoàn thành và tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng dự định mà khi đó các chi phí liên quan mới được chuyển thành tài sản cố định hữu hình.

## **4.10 Chi phí trả trước**

### **Công cụ, dụng cụ**

Công cụ, dụng cụ bao gồm tài sản được Công ty nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu đồng và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 quy định về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

### **Chi phí bảo trì bảo dưỡng**

Chi phí bảo trì bảo dưỡng được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

## **4.11 Nợ phải trả và chi phí trích trước**

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

## **4.12 Chi phí đi vay**

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ chi phí vay để mua sắm tài sản cố định trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt (kể cả khi thời gian xây dựng và lắp đặt dưới 12 tháng) thì được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản đó.

## **4.13 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Hội đồng Quản trị về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày

lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

#### 4.14 Lợi ích nhân viên

##### Lợi ích hưu trí

Lợi ích hưu trí được trả cho những nhân viên đã nghỉ hưu bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Công ty có nghĩa vụ đóng góp vào quỹ trợ cấp hưu trí thông qua đóng phí bảo hiểm xã hội cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội theo tỷ lệ 17,5%. Theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2021 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7 tháng 7 năm 2021, Công ty phải đóng phí bảo hiểm xã hội theo tỷ lệ 17% (từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022) dựa trên mức lương và phụ cấp lương hàng tháng. Công ty không còn nghĩa vụ nào khác đóng góp trợ cấp hưu trí cho nhân viên.

##### Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật lao động Việt Nam và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện Luật Việc làm số 38/2013/QH13 về bảo hiểm thất nghiệp, kể từ 1 tháng 1 năm 2015, Công ty có nghĩa vụ trích 1% quỹ lương để trả bảo hiểm thất nghiệp đối với những cá nhân tham gia đóng bảo hiểm và đồng thời khấu trừ 1% lương tháng của mỗi nhân viên để đóng góp cho Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Theo Nghị quyết số 116/2021/NQ-CP ban hành ngày 24 tháng 9 năm 2021, từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022, Công ty có nghĩa vụ trích 0% quỹ lương để trả bảo hiểm thất nghiệp đối với những cá nhân tham gia đóng bảo hiểm và đồng thời khấu trừ 1% lương tháng của mỗi nhân viên để đóng góp cho Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

#### 4.15 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

#### 4.16 Vốn chủ sở hữu

##### Vốn cổ phần

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

##### Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty tại thời điểm báo cáo.

#### 4.17 Cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

#### 4.18 Doanh thu

##### Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

##### Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

##### Thu nhập tiền lãi

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở theo tỉ lệ thời gian sử dụng phương pháp lãi suất hiệu lực.



#### 4.19 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

#### 4.20 Lãi/lỗ trên mỗi cổ phiếu

##### Lãi/lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi/lỗ cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân phối cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phụ lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

#### 4.21 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông và các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

#### 4.22 Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính Quốc tế ("IFRS") về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh đối với các công cụ tài chính theo IFRS, do vậy việc ghi nhận và đánh giá các tài sản và khoản nợ thể hiện trên báo cáo tài chính của Công ty vẫn tuân theo quy định của Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Việt Nam.

##### Phân loại

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thành các nhóm sau đây:

Đối với tài sản tài chính:

- Tài sản tài chính ghi lãi lỗ theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Đối với các khoản nợ tài chính:

- Nợ tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Nợ tài chính khác ghi nhận theo giá trị phân bổ.

#### 4.23 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

#### 4.24 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

#### 4.25 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

### 5. Tiền

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	61.075.194	37.522.143
Tiền gửi ngân hàng	11.560.343.743	6.939.627.755
	<b>11.621.418.937</b>	<b>6.977.149.898</b>

### 6. Phải thu của khách hàng

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Khách hàng cung cấp nước sạch	3.061.995.616	3.011.811.663
Khách hàng dịch vụ	6.399.743.862	8.285.842.426
	<b>9.461.739.478</b>	<b>11.297.654.089</b>

### 7. Phải thu ngắn hạn khác

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Ban QLDA cấp nước tỉnh Đắk Lắk (*)	86.878.528.978	117.340.183.194
Phải thu nhân viên	1.667.601.086	1.677.316.460
Phải thu khác	2.132.536.814	2.280.781.825
	<b>90.678.666.878</b>	<b>121.298.281.479</b>

(\*) Phản ánh các khoản tiền vay giải ngân cho Ban Quản lý dự án cấp nước tỉnh Đắk Lắk ("Ban QLDA") để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Cấp nước Thành phố Buôn Ma Thuột và 3 thị trấn: thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar; thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng và thị trấn Buôn Đôn, huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk ("Dự án") theo Hiệp định vay số 2961 ngày 4 tháng 5 năm 2013 ký giữa Nước CHXHCN Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á; theo Hợp đồng vay phụ số LOAN NO.2961-VIE VAY VỐN OCR CỦA ADB ngày 17 tháng 9 năm 2014 giữa Bộ Tài Chính và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk và Hợp đồng vay số 25/2018/HĐTD ngày 20 tháng 12 năm 2018 ký giữa Công ty và Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk (xem Thuyết minh số 18).

Ban QLDA được thành lập theo Quyết định số 866/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 9 tháng 5 năm 2013 để thực hiện dự án nói trên, có con dấu riêng, tài khoản riêng và hạch toán độc lập với Công ty.

Khi có các hạng mục công trình thuộc Dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng, Công ty sẽ nhận bàn giao từ Ban Quản lý Dự án và ghi tăng giá trị tài sản cố định, đồng thời ghi giảm khoản phải thu khác với số tiền tương ứng.



## 8. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động số dự phòng trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
	VND	VND
Số đầu năm	-	-
Dự phòng trích lập trong năm	1.649.992.829	-
	1.649.992.829	-

## 9. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.361.555.769	20.964.051.170
Công cụ, dụng cụ	106.478.340	159.049.780
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.163.902.904	2.359.537.044
Hàng hóa	10.957.870	-
	24.642.894.883	23.482.637.994

## 10. Chi phí trả trước

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Hóa đơn điện tử	82.500.000	83.333.334
Khác	55.805.838	57.807.270
	138.305.838	141.140.604
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	25.346.061.567	19.263.647.738
Chi phí bảo trì bảo dưỡng	16.270.788	97.094.555
Khác	88.880.730	30.119.305
	25.451.213.085	19.390.861.598
	25.589.518.923	19.532.002.202

## 11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc, Phương tiện vận tải và truyền dẫn	Thiết bị và dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
1 tháng 1 năm 2021	137.721.826.183	101.891.539.002	650.262.122.238	726.183.000
Mua mới	78.424.200	152.345.000	106.336.692.261	-
Chuyển từ XDCBDD	1.166.669.737	2.532.331.867	28.807.485.663	-
31 tháng 12 năm 2021	138.966.920.120	104.576.215.869	785.406.300.162	726.183.000
<b>Gía trị hao mòn lũy kế</b>				
1 tháng 1 năm 2021	(64.921.924.557)	(32.698.542.677)	(210.586.685.139)	(538.292.892)
Chi phí khấu hao	(5.134.997.703)	(13.108.825.877)	(50.139.715.912)	(90.772.872)
31 tháng 12 năm 2021	(70.056.922.260)	(45.807.368.554)	(260.726.401.051)	(629.065.764)
<b>Gía trị còn lại</b>				
1 tháng 1 năm 2021	72.799.901.626	69.192.996.325	439.675.437.099	187.890.108
31 tháng 12 năm 2021	68.909.997.860	58.768.847.315	524.679.899.111	97.117.236

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 113.635.461.022 VNĐ (31 tháng 12 năm 2020: 112.386.405.039 VNĐ).

Tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 khoảng 80 tỷ VNĐ của Công ty đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 83 tỷ VNĐ) (xem Thuyết minh số 18).

## 12. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Tài sản		Tổng cộng
	Phần mềm	vô hình khác	
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
1 tháng 1 năm 2021	1.413.000.000	1.400.082.727	2.813.082.727
Mua trong năm	1.090.000.000	2.215.181.818	3.305.181.818
<b>31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>2.503.000.000</b>	<b>3.615.264.545</b>	<b>6.118.264.545</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1 tháng 1 năm 2021	(474.066.205)	(610.083.088)	(1.084.149.293)
Hao mòn trong năm	(261.097.446)	(301.055.136)	(562.152.582)
<b>31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>(735.163.651)</b>	<b>(911.138.224)</b>	<b>(1.646.301.875)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
1 tháng 1 năm 2021	938.933.795	789.999.639	1.728.933.434
<b>31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>1.767.836.349</b>	<b>2.704.126.321</b>	<b>4.471.962.670</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 561.625.454 VNĐ (31 tháng 12 năm 2020: 561.625.454 VNĐ).

## 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	11.595.896.432	1.901.512.734
Chi phí phát sinh trong năm	44.294.404.761	47.397.733.668
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(32.506.487.267)	(24.593.137.815)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(13.529.372.777)	(12.768.708.673)
Chuyển sang nguyên vật liệu	(598.909.811)	(341.503.482)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.255.531.338</b>	<b>11.595.896.432</b>
Trong đó:		
<i>Dự án Cấp nước 3 huyện (EaKar - Buôn Đôn - Krông Năng)</i>	<b>1.204.830.684</b>	1.204.830.684
<i>Lắp đặt ống HDPE D63 và D90 xã EaKao, thành phố Buôn Mê Thuột</i>	<b>670.636.546</b>	5.711.061.605
<i>Lắp đặt ống HDPE D63 và HDPE D90 phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Mê Thuột</i>	-	2.376.646.101
<i>Lắp đặt ống HDPE D110, HDPE D90, HDPE D63 huyện Ea Kar</i>	<b>1.997.583.137</b>	-
<i>Lắp đặt ống HDPE D160+D90+D63 Thị trấn Krông Năng</i>	<b>3.255.453.242</b>	-
<i>Công trình khác</i>	<b>2.127.027.729</b>	2.303.358.042
	<b>9.255.531.338</b>	<b>11.595.896.432</b>



#### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	1.930.218.204	5.653.466.185
Công ty Cổ phần DNP HAWACO Miền Nam	5.687.709.999	7.304.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Đạt Lý	715.598.360	806.706.084
Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuột	687.212.051	1.834.195.630
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Bình An An	2.282.603.140	2.709.944.809
Phải trả khác	4.716.984.867	5.970.640.164
	<b>16.020.326.621</b>	<b>24.278.952.872</b>

#### 15. Người mua trả tiền trước

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Đắk Lắk	216.668.291	1.229.948.700
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố Buôn Mê Thuột	-	917.200.000
Phải trả khác	572.272.000	212.113.370
	<b>788.940.291</b>	<b>2.359.262.070</b>

#### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	457.018.323	-
Thuế thu nhập cá nhân	22.274.757	204.423.216
Thuế tài nguyên	201.260.224	252.915.369
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.140.387.324	1.167.784.710
	<b>1.820.940.628</b>	<b>1.625.123.295</b>

#### 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	2.155.741.439	-
Chi phí phải trả khác	459.203.000	476.583.000
	<b>2.614.944.439</b>	<b>476.583.000</b>

## 18. Phải trả khác

	31 tháng 12 năm 2021	31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	54.379.274	5.449.521
Tín dụng chuyên ngành Hiệp định VN X-3	8.059.727.581	8.059.727.581
Phí thoát nước phải trả	3.081.434.880	1.891.233.619
Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa	2.497.465.174	2.497.465.174
Các khoản phải trả khác	4.249.758.764	1.337.689.922
	<b>17.942.765.673</b>	<b>13.791.565.817</b>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	934.526.003	820.070.547
	<b>934.526.003</b>	<b>820.070.547</b>

- (\*) Đây là khoản vay vốn Chính phủ Nhật Bản theo Quyết định số 882/QĐ-UB ngày 5 tháng 4 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đầu tư Dự án Cấp nước Thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'Gar nhưng đến nay Công ty chưa xác định được đối tượng cho vay, thời hạn và lãi suất vay cho khoản phải trả này.



## 19. Vay và nợ thuê tài chính

	31 tháng 12 năm 2021		Phát sinh trong năm		31 tháng 12 năm 2020		
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Phân loại lại VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị VND
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Ngân hàng TMCP Công Thương (i)	9.882.808.207	9.882.808.207	40.146.395.479	(33.370.131.808)	-	-	3.106.544.536
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>							
Quý đầu tư phát triển Đắk Lắk	16.140.000.000	16.140.000.000	-	(4.640.000.000)	11.140.000.000	-	9.640.000.000
- Vay đầu tư tuyến ống cấp nước D150 (ii)	640.000.000	640.000.000	-	(640.000.000)	640.000.000	-	640.000.000
- Vay đầu tư công trình cấp nước TP BMT và 3 huyện (iii)	15.500.000.000	15.500.000.000	-	(4.000.000.000)	10.500.000.000	-	9.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Châu Á (iv)	36.003.717.878	36.003.717.878	-	(12.893.822.464)	27.384.279.250	-	21.513.261.092
Ngân hàng TMCP Công Thương (v)	114.000.000	114.000.000	-	-	114.000.000	-	-
	52.257.717.878	52.257.717.878	-	(17.533.822.464)	38.638.279.250	-	31.153.261.092
	62.140.526.085	62.140.526.085	40.146.395.479	(50.903.954.272)	38.638.279.250	-	34.259.805.628
<b>Vay dài hạn</b>							
Quý đầu tư phát triển Đắk Lắk	18.494.507.408	18.494.507.408	875.608.000	(4.640.000.000)	-	-	22.258.899.408
- Vay đầu tư tuyến ống cấp nước D150 (ii)	29.586.408	29.586.408	-	(640.000.000)	-	-	669.586.408
- Vay đầu tư công trình cấp nước TP BMT và 3 huyện (iii)	18.464.921.000	18.464.921.000	875.608.000	(4.000.000.000)	-	-	21.589.313.000
Ngân hàng Phát triển Châu Á (iv)	434.003.017.654	434.003.017.654	59.194.887.505	(13.216.026.321)	-	(2.694.425.843)	390.718.582.313
Ngân hàng TMCP Công Thương (v)	456.000.000	456.000.000	-	(114.000.000)	-	-	570.000.000
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả	(52.257.717.878)	(52.257.717.878)	-	17.533.822.464	(38.638.279.250)	-	(31.153.261.092)
	400.695.807.184	400.695.807.184	60.070.495.505	(436.203.857)	(38.638.279.250)	(2.694.425.843)	382.394.220.629
	462.836.333.269	462.836.333.269	100.216.890.984	(51.340.158.129)	-	(2.694.425.843)	416.654.026.257

(i) Khoản vay vốn không có đảm bảo từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk theo Hợp đồng vay hạn mức số 21.66.042/2021-HĐCVHM/NHCT502-CAPNUOCDKAKLAK ngày 25/11/2021, với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với hạn mức 23,5 tỷ VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất vay 7%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 15/11/2022.

- (ii) Vay vốn tín dụng Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk để thực hiện dự án lắp đặt tuyến ống cấp nước PVC D150 theo hợp đồng vay số 14/2018/HĐTD ngày 07/09/2018, số tiền vay tối đa: 3.200.000.000 VNĐ, thời hạn vay là 66 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng, lãi suất trong hạn 7,8%/năm, lãi trả hàng tháng. Thời hạn trả nợ gốc là 5 năm, bắt đầu từ quý 1 năm 2019.

Hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 01/2018/HĐTCTSGLVĐ-TL-QĐTPT ngày 07/09/2018, giá trị tài sản thế chấp được xác định là 21.321.203.000 VNĐ

- (iii) Vay vốn tín dụng Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk để thực hiện dự án Cấp nước thành phố Buôn Ma Thuột và 3 huyện (Krông Năng, Ea Kar, Buôn Đôn) theo hợp đồng vay số 25/2018/HĐTD ngày 20/12/2018, số tiền vay tối đa là 50 tỷ VNĐ, thời hạn vay 72 tháng, thời gian ân hạn 12 tháng, lãi suất trong hạn là 7,8%/năm, lãi trả hàng tháng. Thời hạn trả nợ gốc là 5 năm, bắt đầu từ quý 4 năm 2019.

Hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 02/2018/HĐTCTSGLVĐ-TL-QĐTPT ngày 20/12/2018. Các tài sản thế chấp bao gồm trạm thu nước mặt, trạm xử lý nước mặt, giếng khoan, trạm xử lý nước ngầm và các tuyến ống thuộc công trình cấp nước thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Giá trị các tài sản thế chấp này được các bên định giá là 68.869.710.000 VNĐ theo biên bản định giá tài sản số 02/2018/ĐGTS ngày 20/12/2018 ký giữa Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk và Công ty.

- (iv) Vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để thực hiện dự án Cấp nước thành phố Buôn Ma Thuột và 3 huyện (Krông Năng, Ea Kar, Buôn Đôn) theo Hiệp định vay theo Chương trình phát triển ngành nước Việt Nam – Khoản vay số 2961 ngày 04/05/2013 giữa Nước CHXHCN Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á; theo Hợp đồng vay phụ số LOAN NO.2961-VIE VAY VỐN OCR CỦA ADB ngày 17/09/2014 giữa Bộ Tài Chính và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk với số tiền vay tối đa là 24.590.000 USD; thời hạn vay tối đa là 25 năm bao gồm thời gian ân hạn. Khoản vay chịu lãi suất LIBOR đối với vay bằng đồng USD thời hạn 6 tháng cộng với mức chênh lệch là 0,4%/năm/dư nợ gốc tại từng thời điểm, cộng với phí niên hạn là 0,1%/năm trên số dư nợ gốc tại từng thời điểm, phí cho vay lại trong nước là 0,25%/năm trên số dư nợ gốc tại từng thời điểm; lãi trả vào các ngày 01/06 và 01/12 bắt đầu ngày 01/06/2019.

Thời hạn trả nợ gốc vào các ngày 1/6 và 1/12 hàng năm, bắt đầu từ 1/6/2019 đến 1/12/2037. Hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- (v) Vay vốn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 20.66.043-02/2020-HĐCVTL/NHCT502-CAP NUOC DAK LAK ngày 18/12/2020 để thanh toán đầu tư mua xe ô tô, thời hạn vay là 60 tháng và lãi suất 8%/năm đối với năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó thả nổi theo từng thời kỳ.

Hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 20.66.043-02/2020/HĐBĐ/NHCT502 ngày 09/12/2020. Tài sản thế chấp là tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích đối với xe ô tô được mua từ khoản vay. Tại thời điểm ký kết hợp đồng này, các bên thống nhất định giá giá trị của tài sản thế chấp là 878.000.000 VNĐ.



## 20. Vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VNĐ	Lỗ lũy kế VNĐ	Tổng cộng VNĐ
1 tháng 1 năm 2020	315.200.000.000	(5.597.776.604)	309.602.223.396
Lợi nhuận trong năm	-	1.639.778.881	1.639.778.881
31 tháng 12 năm 2020	315.200.000.000	(3.957.997.723)	311.242.002.277
1 tháng 1 năm 2021	315.200.000.000	(3.957.997.723)	311.242.002.277
Lợi nhuận trong năm	-	676.842.012	676.842.012
Điều chỉnh	-	42.690.791	42.690.791
31 tháng 12 năm 2021	315.200.000.000	(3.238.464.920)	311.961.535.080

## 21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	31 tháng 12 năm 2021			31 tháng 12 năm 2020		
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Tỷ lệ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Tỷ lệ
Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk	11.347.200	113.472.000.000	36,00%	11.347.200	113.472.000.000	36,00%
Quý đầu tư cơ hội PVI	-	-	-	9.067.766	90.677.660.000	28,77%
Phạm Thị Linh	7.818.100	78.181.000.000	24,80%	-	-	-
Đỗ Hoàng Phúc	5.000.000	50.000.000.000	15,86%	5.000.000	50.000.000.000	15,86%
Đỗ Hoàng Phương	5.835.200	58.352.000.000	18,51%	2.816.075	28.160.750.000	8,93%
Cổ đông khác	1.519.500	15.195.000.000	4,82%	3.288.959	32.889.590.000	10,43%
	<b>31.520.000</b>	<b>315.200.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>31.520.000</b>	<b>315.200.000.000</b>	<b>100%</b>

## 22. Lãi trên cổ phiếu

### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	676.842.012	1.639.778.881
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	676.842.012	1.639.778.881
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	31.520.000	31.520.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	21	52

## 23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
Doanh thu cung cấp nước sạch	155.492.154.746	154.104.539.120
Doanh thu hoạt động ống nhánh và cung cấp dịch vụ	23.522.033.568	15.505.320.869
	<b>179.014.188.314</b>	<b>169.609.859.989</b>

## 24. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn của hoạt động cung cấp nước sạch	98.549.747.287	101.281.673.518
Giá vốn hoạt động ống nhánh và cung cấp dịch vụ	17.066.035.751	10.174.226.338
	<b>115.615.783.038</b>	<b>111.455.899.856</b>

## 25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.694.425.843	231.673.520
Lãi tiền gửi	485.256.342	488.192.429
	<b>3.179.682.185</b>	<b>719.865.949</b>

## 26. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	3.526.628.819	100.898.518
	<b>3.526.628.819</b>	<b>100.898.518</b>

## 27. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân công	9.550.696.374	9.076.338.654
Chi phí khấu hao	32.184.435.471	28.958.896.475
Chi phí dịch vụ mua ngoài	248.879.292	214.554.822
	<b>41.984.011.137</b>	<b>38.249.789.951</b>

## 28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân công	10.481.682.289	10.150.061.889
Chi phí khấu hao	3.898.396.242	3.758.694.185
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.590.208.348	1.327.195.116
Chi phí dự phòng	1.649.992.829	-
Chi phí khác	3.283.018.734	3.932.863.537
	<b>20.903.298.442</b>	<b>19.168.814.727</b>



## 29. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân công	61.764.602.650	60.996.095.019
Chi phí vật tư	6.810.990.726	9.034.997.966
Chi phí khấu hao	69.036.464.946	62.081.882.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.018.501.106	21.197.877.275
Thuế, phí và lệ phí	4.050.021.047	4.605.689.686
Chi phí dự phòng	1.649.992.829	-
Chi phí bằng tiền khác	12.237.067.397	10.957.962.091
	<b>179.567.640.701</b>	<b>168.874.504.534</b>

## 30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế đối với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh nước sạch - hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ. Công ty áp dụng thuế suất 20% đối với các hoạt động kinh doanh khác.

Chi phí thuế TNDN trong năm được tính như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	676.842.012	1.639.778.881
<i>Điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	20.498.215	409.200.394
Thu nhập chịu thuế	697.340.227	2.048.979.275
Chuyển lỗ	(697.340.227)	(2.048.979.275)
Thu nhập tính thuế	-	-

Chi phí thuế TNDN hiện hành còn phụ thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế địa phương.

Lỗ được khấu trừ thuế có thể được mang sang kỳ sau để bù trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm tiếp theo tối đa là 5 năm kể từ thời điểm phát sinh khoản lỗ đó. Tổng lỗ thực tế có thể mang sang là kết quả kiểm toán thuế của cơ quan thuế địa phương. Lỗ thuế dùng để tính bù trừ vào thu nhập chịu thuế cho các năm sau được tính như sau:

Năm phát sinh	Tình trạng	Lỗ VNĐ	Lỗ đã sử dụng VNĐ	Lỗ đã quá hạn VNĐ	Lỗ mang sang VNĐ	Năm hết hạn
2019	Chưa quyết toán	3.506.201.034	(697.340.227)	-	2.808.860.807	2024

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong báo cáo tài chính đính kèm cho các khoản lỗ chịu thuế nói trên vì khả năng Công ty có đủ thu nhập chịu thuế để sử dụng khoản lỗ được khấu trừ thuế nêu trên là không chắc chắn. Ngoài ra, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 vì Công ty không phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

## 31. Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Trong năm, thù lao nhận được của các thành viên Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Lương và thưởng	200.000.000	127.200.000

### 32. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoặc kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày.

### 33. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt để phát hành.

Đắk Lắk, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2022



Nguyễn Khắc Dân  
Tổng Giám đốc

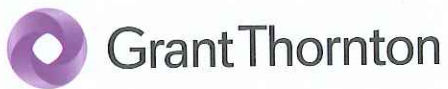


Trần Quốc Độ  
Kế toán trưởng



Đặng Thị Ngọc Linh  
Người lập





---

[grantthornton.com.vn](http://grantthornton.com.vn)

© Grant Thornton (Vietnam) Limited. All rights reserved.

'Grant Thornton' refers to the brand under which the Grant Thornton member firms provide assurance, tax and advisory services to their clients and/or refers to one or more member firms, as the context requires.

Grant Thornton Vietnam is a member firm of Grant Thornton International Ltd (GTIL). GTIL and the member firms are not a worldwide partnership. GTIL and each member firm is a separate legal entity. Services are delivered by the member firms. GTIL does not provide services to clients.

GTIL and its member firms are not agents of, and do not obligate, one another and are not liable for one another's acts or omissions.